

TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỂM THI VÒNG 2 KỲ TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC HUYỆN MÊ LINH NĂM 2024
(Đính kèm Thông báo số: /TB-HĐTD ngày / /2025 của HĐTD viên chức giáo dục huyện Mê Linh)

Số TT	Số báo danh	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nam, nữ)	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển	Ưu tiên	Phòng Thi	Ca thi	GK1	GK2	Điểm trung bình	Điểm cộng	Tổng điểm
1	01	Vũ Thị	An	15/09/1994	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		1	1	76.50	75.50	76		76
2	03	Nguyễn Hồng	Anh	06/12/1996	Nữ	GDCD	1	Đại Thịnh		9	1	70.00	70.00	70		70
3	04	Trần Thị Quỳnh	Anh	05/4/1999	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		1	1	88.00	85.50	86.75		86.75
4	05	Ngô Phương	Anh	09/6/2000	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		1	1	59.00	58.75	58.875		58.875
5	07	Trần Thị Vân	Anh	12/12/1982	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		1	1	39.50	40.50	40		40
6	08	Đinh Thị Vân	Anh	10/01/1988	Nữ	Tiếng Anh	1	Văn Khê		1	1	64.25	62.25	63.25		63.25
7	09	Lê Thị Kim	Anh	23/12/1996	Nữ	Tiếng Anh	1	Văn Khê		2	1	88.00	90.00	89		89
8	10	Nguyễn Thị	Ảnh	22/06/1997	Nữ	Tiếng Anh	1	Văn Khê		2	1	91.00	91.00	91		91
9	11	Nguyễn Thị	Bảy	19/01/2001	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		2	1	65.00	67.00	66		66
10	17	Nguyễn Thị Hồng	Điệp	12/11/1992	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		2	1	73.00	72.00	72.5		72.5
11	19	Nguyễn Thị	Dung	21/02/1994	Nữ	Toán	1	Tráng Việt		5	1	89.50	89.00	89.25		89.25
12	21	Nguyễn Quang	Dương	27/10/1992	Nam	Toán	1	Tiền Phong		5	1	82.00	81.50	81.75		81.75
13	24	Dương Hương	Giang	14/01/2001	Nữ	Toán	1	Tự Lập		5	1	82.00	82.00	82		82
14	25	Đinh Thị	Giang	02/11/1995	Nữ	Tin học	1	Tiền Phong		10	1	85.00	85.00	85		85
15	30	Nguyễn Thu	Hà	10/7/1989	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		5	1	87.00	85.50	86.25		86.25
16	32	Phạm Mỹ	Hà	13/3/2000	Nữ	Toán	1	Tiến Thắng		5	1	81.00	80.00	80.5		80.5
17	33	Vũ Việt	Hà	25/3/1996	Nữ	Toán	1	Tráng Việt		6	1			bỏ thi		0
18	34	Phạm Thị Thuý	Hà	07/11/1985	Nữ	Toán	1	Tráng Việt		6	1	80.00	80.50	80.25		80.25
19	35	Nguyễn Thu	Hà	16/11/1994	Nữ	Toán	1	Văn Khê		6	1	93.00	94.00	93.5		93.5
20	36	Trần Thị	Hà	12/4/1982	Nữ	Kế toán	0	Đại Thịnh A	CTB	8	1	75.00	75.00	75	5	80
21	37	Trần Bắc	Hà	22/11/2001	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		2	1	75.00	76.00	75.5		75.5
22	38	Nguyễn Thị Thu	Hà	12/7/1994	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		3	1	72.00	73.00	72.5		72.5
23	40	Nguyễn Thị Minh	Hằng	28/6/1998	Nữ	Toán	1	Chu Phan		6	1	87.50	87.00	87.25		87.25
24	41	Nguyễn Thu	Hằng	07/12/1994	Nữ	Toán	1	Phạm Hồng Thái		6	1	86.50	87.50	87		87
25	43	Nguyễn Thị	Hằng	19/01/1997	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	1	93.00	92.00	92.5		92.5
26	44	Nguyễn Thị	Hằng	28/9/1993	Nữ	Kế toán	0	Tiền Phong B		8	1	75.50	76.00	75.75		75.75
27	45	Nguyễn Thị	Hằng	21/10/1990	Nữ	Tin học	1	Vạn Yên		10	1	81.00	80.00	80.5		80.5
28	46	Nguyễn Thanh	Hằng	02/11/1988	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		3	1	89.00	89.00	89		89
29	47	Nguyễn Thị	Hằng	30/01/1992	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		3	1	88.00	88.00	88		88
30	48	Hoàng Thị	Hằng	04/6/1993	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		3	1	86.00	84.00	85		85
31	49	Nguyễn Thị	Hằng	02/9/1993	Nữ	Tiếng Anh	1	Vạn Yên		3	1	68.00	67.00	67.5		67.5
32	53	Nguyễn Hữu	Hiếu	10/4/1987	Nam	Toán	1	Tiến Thắng		7	1	93.00	92.00	92.5		92.5
33	55	Ngô Thị	Hoa	18/6/1994	Nữ	Toán	1	Văn Khê		7	1	91.00	91.00	91		91

Số TT	Số báo danh	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nam, nữ)	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển	Ưu tiên	Phòng Thi	Ca thi	GK1	GK2	Điểm trung bình	Điểm cộng	Tổng điểm
34	57	Nguyễn Quỳnh	Hoa	21/11/1987	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	1	82.50	83.00	82.75		82.75
35	58	Lê Thị	Hoa	23/01/1984	Nữ	Tiếng Anh	1	Chu Phan		4	1	77.00	77.50	77.25		77.25
36	63	Hoàng Thị	Hồng	03/7/1996	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	1	79.00	80.00	79.5		79.5
37	64	Nguyễn Thị Thu	Hồng	02/8/1993	Nữ	Tiếng Anh	1	Chu Phan		4	1	82.00	82.00	82		82
38	65	Nguyễn Thị	Huệ	08/5/1994	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	1			bỏ thi		0
39	67	Nguyễn Thị Kim	Huệ	20/12/2001	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	1	71.00	71.50	71.25		71.25
40	68	Nguyễn Thị Thu	Hương	28/8/1996	Nữ	Toán	1	Phạm Hồng Thái		7	1			bỏ thi		0
41	69	Nguyễn Thị Lan	Hương	08/11/2002	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		5	2	84.00	85.00	84.5		84.5
42	70	Bùi Thị Mai	Hương	25/5/1999	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		5	2	88.00	90.00	89		89
43	71	Đàm Mai	Hương	10/12/1998	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		5	2	90.00	86.00	88		88
44	72	Phùng Thị Mai	Hương	25/6/1991	Nữ	Kế toán	0	Đại Thịnh A		8	1	26.50	26.00	26.25		26.25
45	75	Nguyễn Thị	Hương	11/12/1988	Nữ	GDCD	1	Tiến Thắng		9	1	64.00	64.00	64		64
46	76	Tạ Thị Thanh	Hương	08/7/1995	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		1	2	68.00	67.00	67.5		67.5
47	77	Nguyễn Thị	Hương	10/10/1994	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		1	2	84.00	80.00	82		82
48	78	Nguyễn Thị	Hường	22/9/1990	Nữ	Tiếng Anh	1	Tiến Thịnh		1	2	77.00	78.00	77.5		77.5
49	79	Nguyễn Lê	Huy	26/12/1993	Nam	Toán	1	Liên Mạc		5	2	85.00	84.00	84.5		84.5
50	81	Trần Thu	Huyền	15/7/1999	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		5	2	88.00	86.00	87		87
51	82	Nguyễn Thị Mỹ	Huyền	16/12/2001	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		6	2	73.50	72.50	73		73
52	83	Nguyễn Thị Vân	Huyền	10/3/1991	Nữ	Toán	1	Tráng Việt		6	2	71.00	72.50	71.75		71.75
53	86	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	13/9/1994	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		1	2	76.00	78.00	77		77
54	87	Trần Thu	Huyền	22/11/1996	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		1	2	70.00	70.00	70		70
55	88	Phạm Thị	Huyền	03/10/1994	Nữ	Tiếng Anh	1	Tiến Thịnh		2	2	77.00	77.50	77.25		77.25
56	89	Phùng Minh	Khánh	17/11/2002	Nam	Toán	1	Phạm Hồng Thái		6	2			bỏ thi		0
57	96	Lưu Thị Thảo	Liên	10/10/2000	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		2	2	80.00	82.00	81		81
58	97	Nguyễn Thị Thuý	Linh	29/7/2002	Nữ	Toán	1	Phạm Hồng Thái		6	2	82.00	82.00	82		82
59	98	Cao Hoàng Thuý	Linh	26/8/2000	Nữ	Toán	1	Phạm Hồng Thái		6	2	72.00	72.50	72.25		72.25
60	100	Nguyễn Phương	Linh	23/6/2001	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	2	90.00	91.00	90.5		90.5
61	102	Nguyễn Ngọc Khánh	Linh	14/12/2002	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		2	2	89.00	86.00	87.5		87.5
62	103	Nguyễn Thị Thùy	Linh	30/01/1995	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		2	2	51.00	51.50	51.25		51.25
63	104	Phùng Thị	Loan	17/8/1992	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		2	2	73.00	74.00	73.5		73.5
64	106	Thái Nhật	Long	13/6/2002	Nam	Toán	1	Chu Phan		7	2	77.50	77.00	77.25		77.25
65	107	Trần Thị	Luận	10/7/1988	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		3	2	55.50	55.50	55.5		55.5
66	108	Nguyễn Thị	Lương	26/2/1997	Nữ	Kế toán	0	Đại Thịnh A		8	1	70.00	70.00	70		70
67	113	Ngô Phương	Mai	21/8/2002	Nữ	Kế toán	0	Kim Hoa		8	1	51.50	51.00	51.25		51.25
68	115	Phan Thị Thanh	Mai	28/11/1995	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		3	2	72.00	71.50	71.75		71.75
69	116	Nguyễn Tiến	Mạnh	07/01/2002	Nam	Tiếng Anh	1	Chi Đông		3	2	51.00	51.00	51		51

Số TT	Số báo danh	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nam, nữ)	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển	Ưu tiên	Phòng Thi	Ca thi	GK1	GK2	Điểm trung bình	Điểm cộng	Tổng điểm
70	117	Nguyễn Thị	Miến	04/4/1987	Nữ	Tiếng Anh	1	Tiến Thịnh		3	2	79.00	80.00	79.5		79.5
71	120	Hoàng Thị Hoài	Mơ	08/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	1	Chu Phan		3	2	55.00	57.00	56		56
72	121	Nguyễn Thị	Mơ	01/9/1985	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		4	2	71.00	73.00	72		72
73	123	Đỗ Thị Quỳnh	Nga	25/01/1994	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		7	2	78.00	80.00	79		79
74	125	Nguyễn Thị Thanh	Nga	21/10/1991	Nữ	GDCD	1	Tiến Thắng		9	1	70.00	70.00	70		70
75	126	Nguyễn Thị	Nga	17/6/2000	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	2	60.00	61.00	60.5		60.5
76	127	Nguyễn Thị Mỹ	Nga	25/4/1999	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	2			bỏ thi		0
77	128	Trần Kim	Ngân	29/12/1999	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	2			bỏ thi		0
78	130	Trịnh Thị Ánh	Ngọc	19/10/1997	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	2	73.00	73.00	73		73
79	131	Ngô Thị Bích	Ngọc	25/6/1994	Nữ	Toán	1	Văn Khê		5	1	75.00	76.50	75.75		75.75
80	135	Nguyễn Thị Minh	Nguyệt	18/5/2002	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		5	1	71.00	72.00	71.5		71.5
81	136	Nguyễn Thị Hương	Nguyệt	15/10/1992	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	2	73.00	71.00	72		72
82	137	Đỗ Thị	Nhàn	11/7/1998	Nữ	Toán	1	Tráng Việt		5	1	76.00	76.00	76		76
83	138	Nguyễn Thị	Nhàn	15/5/1983	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh	CTB	4	2	63.00	63.00	63	5	68
84	139	Trịnh Thị	Nhân	14/11/1995	Nữ	Tiếng Anh	1	Vạn Yên		1	1	51.00	52.00	51.5		51.5
85	141	Vũ Thị Hồng	Nhung	13/12/2000	Nữ	Kế toán	0	Quang Minh A		8	2	46.00	47.00	46.5		46.5
86	143	Trần Thị Hồng	Nhung	31/3/1996	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		1	1			bỏ thi		0
87	144	Nguyễn Thị Kim	Oanh	10/10/1997	Nữ	Toán	1	Liên Mạc		5	1	81.00	80.50	80.75		80.75
88	145	Nguyễn Tú	Oanh	28/6/1997	Nữ	Toán	1	Liên Mạc		5	1	74.00	74.00	74		74
89	146	Phạm Tú	Oanh	20/10/1998	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		5	1	73.00	72.00	72.5		72.5
90	148	Nguyễn Thị Hồng	Phúc	05/6/2000	Nữ	Tiếng Anh	1	Tiến Thịnh		1	1	77.00	75.00	76		76
91	152	Nguyễn Thị Lan	Phương	28/5/1990	Nữ	Kế toán	0	Quang Minh A	CTB	8	2	89.00	89.00	89	5	94
92	153	Phạm Thị Thu	Phương	25/11/1997	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		1	1	71.00	69.00	70		70
93	154	Đào Thị Mai	Phượng	25/7/1996	Nữ	Toán	1	Phạm Hồng Thái		6	1	84.00	83.00	83.5		83.5
94	157	Tạ Thị	Phượng	19/8/1986	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		1	1			bỏ thi		0
95	158	Chu Thị	Phượng	14/06/1986	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc	Con đẻ	2	1	59.50	56.00	57.75	5	62.75
96	159	Phạm Thị Lệ	Quyên	03/4/1997	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		2	1	55.00	55.00	55		55
97	160	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	15/8/1990	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		6	1	86.00	87.00	86.5		86.5
98	161	Ngô Thuý	Quỳnh	11/11/1997	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		2	1	89.00	89.00	89		89
99	162	Nguyễn Thị	Tâm	21/2/1995	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		6	1	77.00	76.00	76.5		76.5
100	164	Đỗ Thị Hồng	Thắm	05/11/1993	Nữ	Toán	1	Tam Đồng		6	1	90.00	90.00	90		90
101	165	Phạm Thị	Thắng	06/12/1990	Nữ	GDCD	1	Tiền Phong		9	1	80.00	80.00	80		80
102	166	Đinh Văn	Thanh	31/10/1989	Nam	Âm nhạc	1	Mê Linh		11	1	82.00	81.00	81.5		81.5
103	168	Kiều Thị Yến	Thanh	15/10/1993	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		2	1	70.00	72.00	71		71
104	171	Tạ Thị Bích	Thảo	20/10/1997	Nữ	Toán	1	Liên Mạc		6	1	92.00	91.00	91.5		91.5
105	175	Phạm Thị Thu	Thảo	07/3/1993	Nữ	Kế toán	0	Đại Thịnh A		8	2	26.50	26.00	26.25		26.25

Số TT	Số báo danh	Họ và đệm	Tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính (nam, nữ)	Môn đăng ký thi tuyển	Mã cấp học (MN: 0, THCS: 1)	Trường đăng ký thi tuyển	Ưu tiên	Phòng Thi	Ca thi	GK1	GK2	Điểm trung bình	Điểm cộng	Tổng điểm
106	177	Hoàng Thị	Thơ	26/7/1990	Nữ	Toán	1	Phạm Hồng Thái		6	1	85.00	85.50	85.25		85.25
107	179	Phạm Thị	Thoa	27/7/1985	Nữ	Tiếng Anh	1	Tráng Việt		2	1	52.50	55.00	53.75		53.75
108	185	Lê Thị	Thuận	16/7/1989	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		3	1	63.00	63.00	63		63
109	189	Nguyễn Diệu	Thúy	27/10/2001	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		3	1	65.00	64.00	64.5		64.5
110	190	Trần Thị Thu	Thủy	23/3/1994	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	1	82.00	83.00	82.5		82.5
111	191	Nguyễn Thu	Trang	03/9/1997	Nữ	Toán	1	Chu Phan		7	1	84.00	85.00	84.5		84.5
112	194	Nguyễn Thị Thu	Trang	25/12/1996	Nữ	Kế toán	0	Tiền Phong A		8	2	80.00	80.00	80		80
113	195	Phùng Thị Minh	Trang	03/7/2002	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		3	1	66.00	67.00	66.5		66.5
114	196	Nguyễn Thủy	Trang	08/7/1999	Nữ	Tiếng Anh	1	Đại Thịnh		3	1	88.00	90.00	89		89
115	197	Nguyễn Thị Thủy	Trang	21/5/1998	Nữ	Tiếng Anh	1	Tráng Việt		3	1	59.00	59.00	59		59
116	198	Lê Thị Thu	Trang	26/12/1997	Nữ	Tiếng Anh	1	Văn Khê		4	1	80.00	81.00	80.5		80.5
117	200	Dương Thị	Trình	13/01/1994	Nữ	Toán	1	Văn Khê		7	1	87.00	88.00	87.5		87.5
118	203	Vũ Thanh	Tùng	30/12/1994	Nam	Tin học	1	Thanh Lâm B		10	1	60.00	60.00	60		60
119	205	Nguyễn Thị	Tuyên	13/02/1992	Nữ	Tiếng Anh	1	Liên Mạc		4	1	86.50	85.50	86		86
120	209	Mai Thị	Vân	01/5/1995		Toán	1	Tráng Việt		7	1	84.00	85.00	84.5		84.5
121	210	Phạm Thị Hồng	Vân	17/06/1988	Nữ	Tiếng Anh	1	Chi Đông		4	1			bỏ thi		0
122	211	Trương Thị	Vi	13/5/1999	Nữ	Toán	1	Tiền Phong		7	1	85.00	86.00	85.5		85.5
123	212	Vũ Thị	Yên	06/3/1998	Nữ	Kế toán	0	Tiến Thắng B		8	2	68.00	67.00	67.5		67.5
124	213	Đỗ Thị Hải	Yến	13/5/1996	Nữ	Toán	1	Văn Khê		7	1	82.00	79.00	80.5		80.5
125	217	Lê Hải	Yến	20/11/1992	Nữ	Tiếng Anh	1	Chu Phan		4	1	72.00	71.00	71.5		71.5
126	218	Lê Hải	Yến	06/12/1994	Nữ	Tiếng Anh	1	Chu Phan		4	1	79.50	76.00	77.75		77.75